

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30- 9- 2020

*“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con và cấp dưỡng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68B/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng Tr , sinh năm 1994 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 185 ấp P , xã P , huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Phi T , sinh năm 1995 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 07 đường 30/4, Khóm 7, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2020, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trần Thị Hồng Tr trình bày: Vào năm 2015, chị Tr kết hôn với anh Mai Phi T và được Ủy ban nhân dân xã P , huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/3/2016. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có 01 con chung là Mai Trần Khánh N (nữ) sinh ngày 06/10/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh T không có trách nhiệm với gia đình và còn cò bạc vợ chồng thường tranh chấp cãi vã, dù chị Tr đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh T không khắc phục được nên tháng 4 năm 2020 vợ chồng chị Tr , anh T không còn sống chung đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng Tr yêu cầu được ly hôn với anh Mai Phi T .

- Về con chung: Chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Mai Trần Khánh N (nữ) sinh ngày 06/10/2016 đến đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị Tr giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của cháu Mai Trần Khánh N .

Đối với bị đơn Mai Phi T : Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị Tr nhưng anh T không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh T cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/7/2020, ngày 10/8/2020. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh T và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 14/9/2020, bị đơn T vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh về việc giao nhận tài liệu của Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng bị đơn Mai Phi T không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Tr được ly hôn với anh T, giao cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; buộc anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng); không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung do không có yêu cầu; chị Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Hồng Tr khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Mai Phi T và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị Tr được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Mai Phi T đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Mai Trần Khánh N cũng như việc không phản đối của anh T; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị Tr về việc kết hôn với anh T được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/3/2016 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị Tr

và anh T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, từ tháng 4 năm 2020 đến nay, chị Tr và anh T không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau; không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị Tr và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Tr được ly hôn với anh T.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu N hiện đang sống với mẹ như vậy chị Tr đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh T, suốt thời gian chị Tr nuôi con, anh T đã không có sự quan tâm, nuôi dưỡng, chăm lo ở mức cần thiết đối với con chung; anh T đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật đã viện dẫn ở trên. Mặc khác, chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mai Trần Khánh N (nữ) sinh ngày 06/10/2016 đến đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha, mẹ đồng thời là để tạo điều kiện tốt hơn cho chị Tr nuôi dưỡng cháu N được tốt hơn, do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên việc chị Tr yêu cầu anh Mai Phi T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận và cần buộc anh Mai Phi T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn tiếp tục khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tr phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí cấp dưỡng: Anh T phải chịu là 300.000đồng, theo điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Hồng Tr được ly hôn với anh Mai Phi T .

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mai Trần Khánh N (nữ) sinh ngày 06/10/2016 đến đủ 18 tuổi.

Trong thời gian chị Tr nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Mai Phi T cấp dưỡng nuôi cháu Mai Trần Khánh N (nữ) sinh ngày 06/10/2016 mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng của anh T được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu N , chị Tr có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh Tùng có thể yêu cầu giải quyết

thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng Tr phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003874 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Mai Phi T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Chị Trần Thị Hồng Tr có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Mai Phi T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã P , huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU